TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Muỗi.

Ông Tạ Dương Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Bà Kim Thị Cẩm Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị H, sinh ngày 26/6/2004 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Căn cước công dân số 094304015666 cấp ngày 18/11/2021.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Đồ Văn Đ, sinh ngày 09/4/2003 (Vắng mặt);

Căn cước công dân số 094203013336 cấp ngày 17/7/2022.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2026, nguyên đơn bà Lâm Thị H trình bày:

Bà Lâm Thị H và ông Đồ Văn Đ tự quen biết nhau, có làm lễ cưới theo đúng phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 20/3/2025 đăng ký tại UBND xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là xã M, thành phố Cần Thơ). Thời gian đầu bà H, ông Đ sống vui vẽ, hạnh phúc đến tháng 12

năm 2025 thì bà Lâm Thị H và ông Đồ Văn Đ thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, không quan tâm, chăm sóc tới nhau, thường xuyên cự cãi, nên cuộc sống giữa bà Lâm Thị H và ông Đồ Văn Đ không hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được, bà H và ông Đ không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2026 cho đến nay. Bà H nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với ông Đồ Văn Đ.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Đồ Văn Đ:

Ông Đồ Văn Đ đã được cấp, tống đạt các văn bản tố tụng, không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Tại phiên toà sơ thẩm:

Bà Lâm Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Đồ Văn Đ vắng mặt không có lý do.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Riêng bị đơn ông Đồ Văn Đ vắng mặt là chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H: Bà Lâm Thị H được ly hôn với ông Đồ Văn Đ. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; ông Đồ Văn Đ không có ý kiến yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lâm Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Đồ Văn Đ. Ông Đồ Văn Đ cư trú tại ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án: "Ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đồ Văn Đ được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai, vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H, ông Đ tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã M, Thành phố Cần Thơ) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54 ngày 20 tháng 3 năm 2025. Tại thời điểm kết hôn, bà H, ông Đ đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông Đ được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà H, sau khi kết hôn bà H và ông Đồ Văn Đ chung sống vui vẻ, hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung và không thể tiếp tục cuộc sống với ông Đ và kể từ tháng 02 năm 2026 bà H, ông Đ đã không còn chung sống với nhau. Ông Đồ Văn Đ không có văn bản tường trình ý kiến về mâu thuẫn gia đình, không tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Đồ Văn Đ đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đồ Văn Đ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Ông Đồ Văn Đ không có ý kiến về việc có con chung hay không, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày không yêu cầu giải quyết. Ông Đồ Văn Đ không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[7] Như đã nhận định, phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều

271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị H được ly hôn với ông Đồ Văn Đ.

2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Lâm Thị H cho rằng trong thời gian chung sống bà H và ông Đồ Văn Đ không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Thị H trình bày không yêu cầu giải quyết. Ông Đồ Văn Đ không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số 0010427 ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố C. Bà Lâm Thị H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS Thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6);
- TAND Thành phố Cần Thơ (Phòng GĐKT, TT và THA);
- UBND xã Mỹ Hương, TP. Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Hữu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hữu